

DANH SÁCH HỌC SINH CHUYỂN ĐIỂM - MIỀN HỌC VĂN HÓA PHỐ THÔNG - NĂM 2021 ĐỢT 1
(Kèm theo Quyết định số: 29 /QĐ-BKSG ngày 28 tháng 04 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn)

TT	NGÀNH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	Toán 10	Lý 10	Hóa 10	Sinh 10	Văn 10	Sử 10	Địa 10	Toán 11	Lý 11	Hóa 11	Sinh 11	Văn 11	Sử 11	Địa 11	Toán 12	Lý 12	Hóa 12	Sinh 12	Văn 12	Sử 12	Địa 12	Ghi chú
1	DL	Nguyễn Kim Anh	03/02/2000	Nữ	7.8	7.5	5.9	7.6	7.1	7.5	6.9															
2	DS	Nguyễn Thị Minh Châu	09/07/2001	Nữ	5.5	5.6	5.9	6.6	6.8	7.1	6.9	5.4	6.8		8.0	6.6	7.3	6.5								
3	DL	Lê Đỗ Huỳnh Đạt	14/08/1997	Nam	5.1		5.4		5.5	5.5						5.0		5.6					5.1			
4	MK	Hàng Hạnh Dung	16/02/2001	Nữ	6.0	5.7	5.5	6.4	5.2	5.7	5.9															
5	DS	Đặng Thị Mỹ Duyên	24/08/2000	Nữ	6.6	6.8	6.7	8.8	6.9	8.8	7.6	9.0	9.0	8.5	8.7	7.6	7.5	8.0								
6	KT	Lý Thị Ngọc Giàu	18/12/1998	Nữ		6.0		8.0	5.9	7.3	7.6	6.1	5.5		7.8	5.8	5.8	7.9	6.2	5.3		6.6	6.8	7.5		
7	TW	Nguyễn Đức Hưng	21/07/2001	Nam		5.2	5.1		5.8	6.0			6.3	5.3	5.8	5.5			7.4	6.5	6.0	7.3	6.1	6.5	5.8	
8	TM	Hà Đức Lợi	25/12/2001	Nam		5.9	5.7	7.1	5.0	6.7	5.9	5.8	6.1		5.4		6.4	6.5	5.7	5.7	5.2	5.0	5.2	6.1	5.6	
9	DS	Bùi Thị Kim Ngân	09/02/1990	Nữ	5.8		5.0	7.7	6.7	6.9	7.7	5.7			6.5	6.8	6.6	7.7	6.2			6.6	5.7			
10	DS	Lê Thị Bích Ngọc	15/06/2001	Nữ	5.9	5.6		5.1	6.1	6.3	5.9		5.3		5.7	5.6	5.3	6.3	5.6	6.6	5.6	6.9	5.3	5.8	5.6	
11	DS	Lương Thị Quỳnh Như	25/09/2001	Nữ		5.8	5.2	6.6	6.0	6.7	6.5			5.2	5.1	5.7	5.7	7.6	6.3	5.4	5.3	6.7	7.0	6.6	6.5	
12	DS	Đặng Thị Hồng Nhung	27/10/2000	Nữ	5.3		5.0	5.1	5.3		5.5	5.1		5.5		5.6	6.0	6.4								
13	KT	Nguyễn Kim Oanh	22/07/2004	Nữ	5.6				5.2		6.0															
14	DS	Ngô Duy Quan	04/05/1987	Nam		5.9		5.1	5.9	5.1	7.7	7.0	5.7			5.6	6.1	5.7			5.0		5.8	6.2	6.1	
15	DL	Phạm Thị Thanh Thảo	02/05/2001	Nữ	5.6	5.8	6.7	5.2	5.8	6.6	5.5		5.1	5.6	6.0	6.5	5.1	5.5	5.1		7.0	6.8	5.7	6.1	5.6	
16	YS	Nguyễn Anh Thư	05/10/2004	Nữ	5.3	5.6	6.4	5.6	6.7	6.7	6.8															
17	DD	Nguyễn Thủy Tiên	10/08/2001	Nữ	6.8	5.9	6.0	7.2	6.5	6.6	6.0	5.9	6.3	5.4	7.0	6.4		6.7	6.3	7.4	7.4	6.8	6.4	8.3	7.8	
18	YS	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	22/10/2001	Nữ	5.7	5.5	7.2	6.4	6.6	6.8	5.8	5.6	5.6	7.7	7.0	6.4	7.6	5.7	6.4	5.0	6.6	5.5	6.9	6.1	6.4	



TT	NGÀNH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	Toán 10	Lý 10	Hóa 10	Sinh 10	Văn 10	Sử 10	Địa 10	Toán 11	Lý 11	Hóa 11	Sinh 11	Văn 11	Sử 11	Địa 11	Toán 12	Lý 12	Hóa 12	Sinh 12	Văn 12	Sử 12	Địa 12	Chú chú
19	DS	Phan Nguyễn Thanh Trúc	31/03/2003	Nữ			5.2		6.1	5.7	5.2	5.7	5.7	5.0	8.1	7.0	8.0	6.6								
20	TW	Trần Nguyễn Nhật Trường	25/08/2001	Nam		5.2		6.4	6.3	5.1				4.1	5.0	5.2	6.6	5.9	5.6	7.3	5.9	6.6		7.0	5.6	
21	TW	Lê Văn Tuấn	02/07/1998	Nam		5.8	6.3	6.0	5.0			5.7		6.5	5.2	5.0			5.5	5.3	5.0	6.0	5.0		5.3	
22	DD	Đặng Nguyễn Tường Vi	13/02/2001	Nữ					5.2		6.8	5.1	5.7		5.6	5.5	6.0	7.0	6.1	7.9	5.1	6.7	6.1	6.4	6.9	
23	DS	Trần Hữu Vũ	17/07/2001	Nam	5.5	6.0	5.9	5.0				5.0		5.0					6.0		5.0					
24	DL	Nguyễn Nhật Vy	26/02/1998	Nữ	5.3	5.3									10.0	5.2		9.3	5.8					6.5	5.9	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

VÕ HOÀNG NGỌC HÂN

